

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN TÍN DỤNG - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỈNH TÂY NINH

TS. Trần Quốc Thịnh*

Bài viết trên cơ sở phân tích khám phá các nhân tố để đánh giá mức độ ảnh hưởng đến huy động nguồn vốn tín dụng (HĐNVTD). Với mẫu khảo sát 177 Ban giám đốc, Trưởng, phó phòng tín dụng, kết quả hồi quy cho thấy hệ thống quy định của ngân hàng và cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực của NHTM ảnh hưởng tích cực đến HĐNVTD của NHTM. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh Tây Ninh cần tuyên truyền những quy định, chính sách của ngân hàng để khách hàng hiểu rõ hơn, cũng như cần hoàn thiện cơ chế, chính sách linh hoạt hơn để tạo sự tiện lợi cho khách hàng. Ngoài ra, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần hỗ trợ và tạo điều kiện để các NHTM của tỉnh mở rộng quy mô chi nhánh, phòng giao dịch, bên cạnh khuyến khích NHTM đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để gia tăng tiện ích cho khách hàng. Đồng thời, NHTM cần quan tâm bồi dưỡng trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp để đảm bảo tính chuyên nghiệp.

• Từ khóa: huy động nguồn vốn tín dụng, ngân hàng thương mại, tỉnh Tây Ninh.

The article is based on analyzing and exploring the factors to assess the level of influence on credit capital mobilizing. With the survey form 177 Management Board and Head, Deputy Head, the results show that the banking regulation system and infrastructure, human resources of commercial banks positively affect the credit capital mobilizing of commercial banks. Accordingly, the State Bank of Tay Ninh branch should propagate the regulations and policies of the bank so that people can understand and improve the flexible mechanism and policies to create convenience for the people. In addition, the State Bank of Tay Ninh branch should support and create conditions for provincial commercial banks to expand the scale of branches and transaction offices, besides encouraging commercial banks to invest in infrastructure, boosting the application of technology to increase utility for customers. At the same time, commercial banks should pay attention to fostering professional qualifications and communication skills to ensure professional.

• Keywords: mobilizing credit capital, commercial banks, Tay Ninh province.

Ngày nhận bài: 1/3/2019

Ngày chuyển phản biện: 11/3/2019

Ngày nhận phản biện: 15/3/2019

Ngày chấp nhận đăng: 19/3/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huy động nguồn vốn tín dụng là kênh điều hòa vốn trung gian của các tổ chức tài chính nhằm giúp lưu thông dòng vốn phục vụ cho đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Vấn đề này luôn đặt ra nhiều áp lực cho hệ thống NHTM nói chung nhằm cân đối dư nợ tín dụng. Việc HĐNVTD trong thời gian vừa qua cũng gặp những khó khăn nhất định do thị trường bất động sản tăng, sốt giá nên hấp thụ kênh đầu tư vào lĩnh vực này, cũng như các kênh đầu tư của thị trường chứng khoán phải sinh đã thu hút nguồn lực tài chính. Bên cạnh đó, bản thân nội tại các NHTM cũng gặp những hạn chế nhất định do sự cải tiến, đầu tư công nghệ để tạo tiện ích cho khách hàng cũng như đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn tốt, kỹ năng giỏi và thái độ phục vụ tận tình đã ảnh hưởng một phần trong việc thu hút vốn (Đoàn Thu Hà, 2016; Trịnh Thế Cường, 2018). Do đó, việc khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến HĐNVTD luôn đặt ra thách thức cho các NHTM, trong đó có tỉnh Tây Ninh.

* Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

2.1. Các khái niệm liên quan

Tín dụng là quan hệ vay vốn lẫn nhau dựa trên sự tin tưởng, và số vốn đó sẽ được hoàn trả vào một thời điểm xác định trong tương lai. Huy động nguồn vốn tín dụng là việc tập hợp các nguồn lực kinh tế từ các tổ chức, cá nhân của một tổ chức tín dụng (TCTD) hay NHTM (Ebebe, 2016). Xét từ góc độ quản lý, HĐNVTD là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát hoạt động nhằm đạt được mục tiêu nhất định và nếu nhìn từ nghiệp vụ huy động thì HĐNVTD là sử dụng các phương pháp, các công cụ có liên quan để huy động lượng tiền tệ trong nền kinh tế (Trịnh Thế Cường, 2018).

2.2. Lý thuyết nền tảng

Trong kinh tế học, giả thiết về thu nhập tuyệt đối được Keynes (1936) đề cập đến và là một phần của lý thuyết tiêu dùng của Keynes. Theo lý thuyết này cho rằng người tiêu dùng luôn xem xét để phân chia thu nhập kiếm được trong việc cân đối giữa tiêu dùng và tiết kiệm (Keynes, 1936). Trong khi, giả thiết thu nhập vĩnh viễn cho rằng người tiêu dùng luôn xác định được các tài sản gồm vật chất hữu hình, tài chính như cổ phiếu, trái phiếu hay tài sản vô hình tri thức, trình độ. Những tài sản này sẽ ảnh hưởng đến khả năng kiếm thu nhập của người tiêu dùng. Người tiêu dùng có thể ước tính thu nhập dự kiến, tức là thu nhập vĩnh viễn của họ, và có thể sẽ thấp hơn thu nhập thực tế (Friedman, 1957). Lý thuyết này được vận dụng nhằm giải thích cho các nhân tố liên quan HĐNVTD cho ĐTPTKT từ các nguồn thu nhập, tiết kiệm của dân cư, tiền gửi của khách hàng cá nhân hay các tổ chức, doanh nghiệp.

2.3. Các nghiên cứu trước có liên quan

Các nghiên cứu tập trung trên cơ sở tìm kiếm nhân tố khám phá của Byusa (2016); Far và Zadeh (2016); Ebebe (2016); Gunasekara và Kumari (2018). Điển hình, Byusa (2016) nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến huy động nguồn vốn ngân hàng của quốc gia Rwanda, thuộc quốc gia châu Phi. Tác giả đã sử dụng phương pháp định tính trên cơ sở thu thập dữ liệu khảo sát từ 5 NHTM, trong giai đoạn 2010 - 2014. Tác giả tập trung nghiên cứu nhân tố thể chế bên trong

bao gồm các chính sách quy định của ngân hàng, những chiến lược phát triển chi nhánh, nguồn nhân lực của ngân hàng và nhân tố bên ngoài như các quy định môi trường pháp lý, chính sách lãi suất, cạnh tranh, thu nhập của người dân. Far và Zadeh (2016) đã xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong việc huy động các nguồn tài chính của các chi nhánh ngân hàng Maskan. Tác giả đã nghiên cứu 384 mẫu là các khách hàng trong năm 2015. Kết quả cho thấy các nhân tố bao gồm chính sách và chiến lược của ngân hàng, công nghệ thông tin và truyền thông, quảng bá, nguồn nhân lực, dịch vụ ngân hàng, các tiện ích tại ngân hàng và địa điểm ngân hàng là những yếu tố thành công chính trong việc thu hút nguồn vốn của các ngân hàng. Ebebe (2016) đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến huy động tiền gửi của ngân hàng CBE thuộc quốc gia Ethiopia. Tác giả đã kết hợp phương pháp định tính và định lượng trên cơ sở thu thập khảo sát 401.712 khách hàng của 61 chi nhánh của ngân hàng, trong giai đoạn 2008 - 2013. Kết quả cho thấy các nhân tố về lãi suất, tỷ lệ lạm phát và sự mở rộng mạng lưới chi nhánh đã ảnh hưởng đến HĐNVTD của ngân hàng. Gunasekara và Kumari (2018) đã xem xét ảnh hưởng của các nhân tố đến huy động tiền gửi. Tác giả sử dụng phương pháp định lượng OLS với mẫu gồm 120 khách hàng trong năm 2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy có một mối quan hệ tích cực giữa huy động tiền gửi và lãi suất tiền gửi, tính an toàn và bảo mật, mức độ mở rộng chi nhánh, dịch vụ, quảng bá thông tin và chính sách hậu mãi có ảnh hưởng tích cực đến việc huy động tiền gửi của ngân hàng. Nhìn chung, HĐNVTD là cần thiết cho quá trình phát triển kinh tế nên đã nhận được một số quan tâm của các tổ chức và nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu nước ngoài tập trung tiêu biểu vào một số quốc gia hay khu vực phát triển và chưa có nghiên cứu cho riêng tỉnh Tây Ninh. Việc nghiên cứu chuyên sâu về HĐNVTD của các NHTM tại Tây Ninh có ý nghĩa thiết thực nhằm giúp tạo lập nguồn vốn phục vụ cho đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh của tỉnh.

3. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và sử dụng phương pháp bình phương bé

nhất (Pooled OLS) để kiểm định hồi qui mô hình nghiên cứu để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

3.2. Mẫu nghiên cứu

Bài viết đã khảo sát các đối tượng Ban giám đốc và Trưởng, phó phòng tín dụng của NHTM. Số lượng phiếu phát ra là 200 phiếu, thu về 180 phiếu, trong đó số phiếu hợp lệ là 177 phiếu. Phiếu không hợp lệ là phiếu trả lời không quá 1/2 thông tin bảng hỏi.

3.3. Thang đo

Đối với thang đo, bài viết sử dụng thang đo Likert 7 cấp độ từ 1 đến 7, cụ thể: 1: Rất yếu; 2: Yếu; 3: Kém; 4: Trung bình; 4: Khá; 6: Tốt, 7: Rất tốt.

3.4. Các biến và mô hình nghiên cứu

Đề tài kế thừa các nghiên cứu trước về thang đo, đồng thời tham khảo ý kiến của các chuyên gia, đề tài đề xuất mô hình nghiên cứu, cụ thể:

$$NVTĐ = \beta_0 + \beta_1*HTNH + \beta_2*NHTM + \beta_3*QBTH + \beta_4*HTNL + \beta_5*CLSP + \epsilon$$

Bảng 1. Tổng hợp các biến và dấu kỳ vọng

Tên biến	Mô tả biến	Dấu kỳ vọng
Biến phụ thuộc		
NVTĐ	Huy động nguồn vốn tín dụng	
Biến độc lập		
HTNH	Quy định pháp lý của hệ thống ngân hàng	+
NHTM	Chính sách, quy định của NHTM	+
QBTH	Quảng bá thương hiệu của NHTM	+
HTNL	Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực của NHTM	+
CLSP	Chất lượng phục vụ khách hàng và sản phẩm dịch vụ của NHTM	+

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỈNH TÂY NINH

Để thực hiện đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến HĐNVTD của ngân hàng, đề tài thực hiện kiểm định Bartlett và KMO, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach alpha, phân tích tương quan, kiểm định mức độ phù hợp của mô hình và hồi qui OLS.

Kết quả đều đảm bảo độ tin cậy của thông tin, cụ thể:

- Kiểm định Bartlett và KMO bằng 0,934 lớn hơn 0,90 và mức ý nghĩa của kết quả là 0,00 Sig nhỏ hơn 0,05 nên có ý nghĩa thống kê.
- Nhân tố khám phá (EFA) cho thấy tất cả hệ số tải nhân tố (Factor loading) đều lớn hơn 0,50 nên dữ liệu này đảm bảo ý nghĩa.
- Hệ số Cronbach's Alpha liên quan các biến đều có hệ số lớn hơn 0,60 và có Sig nhỏ hơn 0,05 nên dữ liệu đảm bảo độ tin cậy của thông tin.
- Các hệ số tương quan đều lớn hơn 0,50 và điều này cho thấy giữa các biến có quan hệ cùng chiều cũng như không có hệ số vượt quá 0,80. Hơn nữa, tất cả các biến đều có mức ý nghĩa sig nhỏ hơn 0,05. Như vậy, các nhân tố có tính tương quan khá chặt chẽ và đều có ý nghĩa.

- Kiểm định sự phù hợp của mô hình cho thấy R² hiệu chỉnh tương ứng bằng 0,611. Điều này có ý nghĩa rằng biến độc lập giải thích được 61,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Nhìn chung mức độ giải thích này của mô hình ở mức độ khá tốt.

- Kết quả hồi quy của mô hình với các biến được chọn trong mô hình khi đảm bảo mức ý nghĩa Sig nhỏ hơn 0,05.

Với dữ liệu của Bảng 2, kết quả hồi quy cụ thể như sau:

$$NVTĐ = 0,582*HTNH + 0,280*HTNL$$

Ngoài ra, việc xác định đa cộng tuyến có thể sử dụng hệ số phóng đại phương sai (VIF). Nếu VIF của một biến vượt quá 10 thì biến này được coi là có cộng tuyến cao (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Mô hình gồm 5 biến độc lập tương ứng hệ số phóng đại phương

Bảng 2. Hệ số hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy đã chuẩn hoá	T	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
1 (Hằng số)	.060	.330		.183	.855		
HTNH	.563	.065	.582	8.621	.000	.485	2.061
NHTM	-.020	.085	-.020	-.235	.814	.313	3.194
QBTH	-.041	.074	-.040	-.555	.580	.415	2.407
HTNL	.329	.100	.280	3.292	.001	.305	3.276
CLSP	.083	.093	.078	.900	.369	.293	3.414

Nguồn: Đề tài tổng hợp từ SPSS 22.0

sai của từng biến được thể hiện qua bảng 2 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến vì VIF đều nhỏ hơn 10.

Có thể thấy, kết quả nghiên cứu này tương đồng với một số nghiên cứu trước có liên quan trong việc xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến HĐNVTD của NHTM và điều này cũng giải thích một phần liên quan đến lý thuyết về thu nhập và tăng trưởng trong việc nhìn nhận về mối quan hệ giữa tiết kiệm đến tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh.

5. KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TỈNH TÂY NINH

5.1. Kết luận

Bài viết đã tiến hành khảo sát 177 Ban giám đốc và Trưởng, phó phòng tín dụng của NHTM trong năm 2018, kết quả cho thấy có 2 biến ảnh hưởng tích cực đến HĐNVTD là hệ thống quy định của ngân hàng và cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực của NHTM. Theo đó, để góp phần tăng cường HĐNVTD này, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần tuyên truyền những quy định, chính sách của ngân hàng để khách hàng hiểu rõ bên cạnh tạo cơ chế, chính sách thuận lợi hơn để khách hàng an tâm và có niềm tin trong việc gửi tiền. Hơn nữa, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần quan tâm để thúc đẩy các NHTM tỉnh mở rộng chi nhánh, phòng giao dịch để tăng tiện lợi, thuận tiện cho khách hàng. Bên cạnh đó, NHTM cần quan tâm hơn nữa trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để gia tăng tiện ích cho khách hàng. NHTM cần phối hợp với Hiệp hội ngân hàng để tăng cường bồi dưỡng trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp để đảm bảo tính chuyên nghiệp. Đây là điều kiện quan trọng để thu hút nguồn vốn trong dân cư cũng như các tổ chức, doanh nghiệp, các khách hàng của NHTM.

5.2. Các gợi ý chính sách góp phần tăng cường huy động nguồn vốn tín dụng của ngân hàng thương mại tỉnh Tây Ninh

Về môi trường pháp lý của ngân hàng, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần tuyên truyền những quy định, chính sách của ngân hàng để khách hàng hiểu rõ vấn đề cũng như an tâm, từ đó vận động khách hàng an tâm gửi tiền tiết kiệm. Đồng thời,

NHNN chi nhánh Tây Ninh cần duy trì sự ổn định và phát triển hệ thống tài chính, ngân hàng cụ thể cần phát huy những gói hỗ trợ tín dụng ưu đãi giúp các doanh nghiệp tăng nguồn vốn cho đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, cơ chế, chính sách linh hoạt hơn đối với NHTM trong việc mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch để tạo sự tiện lợi cho khách hàng.

Đối với cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực của NHTM, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần hỗ trợ và tạo điều kiện để các NHTM tỉnh mở rộng quy mô chi nhánh, phòng giao dịch, bên cạnh khuyến khích NHTM sử dụng kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để gia tăng tiện ích cho khách hàng. Đồng thời, NHNN chi nhánh Tây Ninh cần phối hợp Hiệp hội ngành nghề tổ chức các lớp đào tạo, trong đó quan tâm bồi dưỡng trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp để đảm bảo tính chuyên nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

Byusa, M. (2016). *Factors Influencing Savings Mobilization by Commercial Banks In Rwanda*. Strathmore University, thesis.

Đoàn Thu Hà (2016). *Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hải Dương*. Trường Đại học Thăng Long, Luận văn thạc sỹ.

Ebebe, A. (2016). *Determining factors affecting deposit of commercial bank of Ethiopia: an empirical study on adama district*.

Far, A. A và Zadeh, R. L. (2016). *Factors Affecting the Success of Iranian banks in mobilizing financial resources (Case study of Maskan bank in Isfahan Province)*. *International Journal Of Humanities And Cultural Studies*, pp1626 -1635.

Friedman, M. (1957). *A Theory of the Consumption Function*, Milton Friedman. Princeton: Princeton University Press.

Gunasekara, H. U. và Kumari, P. (2018). *Factors Affecting for Deposit Mobilization in Sri Lanka*. *International Review of Management and Marketing*, 2018, 8(5), 30-42.

Keynes, J. M. (1936). *The General Theory of Employment, Interest and Money*. Macmillan, London.

Nguyễn Đình Thọ. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Thiết kế và thực hiện*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

Trịnh Thế Cường (2018). *Huy động vốn của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam*. Học viện Chính trị Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, luận án tiến sỹ.